

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ theo quy định tại Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ và Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính có mã thủ tục 1.001815, 1.001762 đã công bố tại Quyết định số 394/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 3 năm 2018; bãi bỏ thủ tục hành chính có mã thủ tục 1.001773 đã công bố tại Quyết định số 394/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 3 năm 2018 và thủ tục hành chính có mã 1.001796 đã công bố tại Quyết định số 394/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Seduy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN (để báo cáo);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Cục KSTTHC-VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP4.NTLinh, TTGSNH3.ĐTTrung. *m*



Đào Minh Tú

PHỤ LỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|--|---------------|--|--|----------------------------------|-----------------------------|
| A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | | | | | |
| 1 | 1.001762 | Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô | Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024; Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 | Thành lập và hoạt động ngân hàng | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

| STT | TTHC thay thế | | TTHC được thay thế | | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế | Lĩnh vực | Đơn vị thực hiện |
|-----|---------------|---|--------------------|---|--|------------------------|--------------------|
| | Mã TTHC | Tên TTHC | Mã TTHC | Tên TTHC | | | |
| 1 | 1.001815 | Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô | 1.001815 | Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài | Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024; Thông | Thành lập và hoạt động | Ngân hàng Nhà nước |

| | | | | | | | |
|--|--|--|----------|--|------------------------------|---|--|
| | | | | chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên | tư số 33/2024/TT- NHNN | ngân hàng | Việt Nam |
| | | | 1.001796 | Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên | | Thành lập và hoạt động ngân hàng | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|------------------|---|--|---|---|
| 1 | 1.001773 | Thủ tục cấp Giấy phép đối với trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô | Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 | Thành lập và hoạt động ngân hàng | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| 2 | 1.001752 | Thủ tục thông báo khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô | Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 | Thành lập và hoạt động ngân hàng | Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |

40

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức tài chính vi mô thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;

b) Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh hiện tại (tại tổ chức tài chính vi mô và/hoặc doanh nghiệp, tổ chức khác) và chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô;

c) Cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của tổ chức tài chính vi mô (đối với trường hợp đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự giữ chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát). Trong đó, nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng thành viên; số lượng thành viên Ban kiểm soát;

d) Cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

2. Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô (đối với nhân sự Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể:

a) Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Văn bản của người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu;

b) Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

(i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát do người đại diện hợp pháp của thành viên góp vốn ký;

(ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

3. Sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm:

a) Đối với trường hợp nhân sự có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Bảng kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024.

6. Các tài liệu khác chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện nhân sự theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024, có thể bao gồm một hoặc một số các tài liệu sau:

a) Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật trong trường hợp nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm là cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên hoặc là sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô đã từng công tác (nếu có mức vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật).

7. Văn bản đánh giá của tổ chức tài chính vi mô; của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã, đang công tác quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tài chính vi mô.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

+ **Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng thành viên:**

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Không phải là người đang quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô; của tổ chức phi chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

c) Có đạo đức nghề nghiệp.

d) Có trình độ từ đại học trở lên.

đ) Có một trong các điều kiện sau đây: (i) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; (ii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật; (iii) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (iv) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

+ Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Có đạo đức nghề nghiệp.

c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có trình độ từ trung cấp trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

d) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

+ Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng giám đốc (Giám đốc):

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Không phải là người đang quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô; của tổ chức phi chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

c) Có đạo đức nghề nghiệp.

d) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

đ) Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý (từ Trưởng bộ phận trở lên) trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính (bao gồm cả lĩnh vực tài chính vi mô), ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

+ Về đánh giá có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô:

a) Những người thuộc một trong các trường hợp sau đây được coi là không có đạo đức nghề nghiệp: (i) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; (ii) Người có tên tại kết luận thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính; (iii) Người bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; (iv) Người phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật nêu tại kết luận thanh tra, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước mà kiến nghị liên quan đến các vi phạm đó chưa được khắc phục, chỉnh sửa.

b) Nhân sự dự kiến không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các quy định như sau: (i) Nhân sự dự kiến đã, đang công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (ii) Nhân sự dự kiến phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do tổ chức tài chính vi mô ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô.

c) Tổ chức tài chính vi mô nơi nhân sự dự kiến đã, đang công tác có trách nhiệm đánh giá về việc có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi nhân sự dự kiến có đề nghị.

+ Về đánh giá có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô

Nhân sự dự kiến không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN phải đáp ứng các quy định như sau:

a) Nhân sự dự kiến đã, đang công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Nhân sự dự kiến phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do tổ chức tài chính vi mô ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Phụ lục số 02**Mẫu Sơ yếu lý lịch***(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024**Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

| |
|---|
| Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch |
|---|

SƠ YẾU LÝ LỊCH**1. Về bản thân**

- Họ và tên khai sinh.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay⁽¹⁾:

| STT | Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽²⁾ | Đơn vị công tác | Chức vụ | Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao | Ghi chú ⁽³⁾ |
|-----|---|-----------------|---------|---|------------------------|
| | | | | | |

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁴⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁵⁾**5. Cam kết trước pháp luật**

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại Tổ chức tài chính vi mô.....theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tôi cam kết tuân thủ về việc có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 trong quá trình công tác tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có).

- Thông báo cho Tổ chức tài chính vi mô..... về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của Tổ chức tài chính vi mô.....

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d và điểm g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 04**Mẫu Bảng kê khai người có liên quan**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

| STT | Người khai và “người có liên quan” của người khai | Số CMND/số định danh cá nhân/số Hộ chiếu ⁽¹⁾ | Mối quan hệ với người khai ⁽²⁾ | Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị |
|-----------|---|---|---|---|
| I | Người kê khai | | | |
| 1 | Nguyễn Văn A | | Người khai | |
| II | Người có liên quan | | | |
| 2 | Nguyễn Thị B | | Vợ | |

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽³⁾

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

2. Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Ban trụ bị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 gửi Ngân hàng Nhà nước.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thành viên sáng lập có thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.

Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

Bước 5: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.

Bước 6: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 7: Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính vi mô tiến hành các thủ tục cần thiết để khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1.1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024;

b) Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô;

c) Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô do Trưởng Ban trụ bị ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết thành lập, mục tiêu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; tác động xã hội dự kiến của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn;

(ii) Tên tổ chức tài chính vi mô, địa bàn dự kiến hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

(iii) Các sản phẩm và dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp cho khách hàng;

(iv) Cơ cấu tổ chức;

(v) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

- Thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên;

- Thành viên Ban kiểm soát;

- Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

(vi) Dự kiến đầu tư tài chính cho hệ thống công nghệ thông tin và việc áp dụng công nghệ thông tin;

(vii) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, tối thiểu bao gồm nguyên tắc hoạt động, dự thảo các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng, dự thảo quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

(viii) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối

thiếu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

d) Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024;

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật;

(iii) Bảng kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024;

(iv) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam;

(v) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024;

(vii) Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

d) Điều lệ của chủ sở hữu;

e) Văn bản của chủ sở hữu cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

g) Văn bản của chủ sở hữu về việc thành lập Ban trụ bị, bầu, chỉ định Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

1.2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

a) Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

2. Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

2.1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024;

b) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024;

c) Danh sách thành viên sáng lập do Trưởng Ban trụ bị ký, trong đó bao gồm các nội dung:

(i) Tên pháp nhân; số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của pháp nhân đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(ii) Mức vốn góp (ghi rõ số vốn bằng đồng Việt Nam và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên);

(iii) Phương án góp vốn (nêu rõ phương thức, tiến độ góp vốn);

d) Hồ sơ của thành viên sáng lập, bao gồm:

(i) Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(ii) Văn bản của các thành viên góp vốn cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

(iii) Điều lệ của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(iv) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(v) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của pháp nhân đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(vi) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Báo cáo hoạt động trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của thành viên góp vốn không phải là doanh nghiệp;

(viii) Tài liệu chứng minh đã hoặc đang tham gia quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô và hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án đó;

đ) Biên bản Cuộc họp thành viên sáng lập về việc thành lập Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

2.2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

a) Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Biên bản và Nghị quyết cuộc họp thành viên góp vốn đầu tiên về việc thông qua Điều lệ, bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;

c) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát;

d) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 135 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức có nhu cầu cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

- **Lệ phí:** 200.000đ

(Từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức lệ phí bằng 50% mức phí nêu trên theo quy định tại Thông tư 43/2024/TT-BTC ngày 28/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép.

b) Có chủ sở hữu, thành viên sáng lập theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Là tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương;

+ Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

+ Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.

- Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Có ít nhất một thành viên góp vốn là tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương đáp ứng các điều kiện: (i) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; (ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

+ Có ít nhất một thành viên góp vốn là pháp nhân đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

- Thành viên góp vốn khác là pháp nhân: (i) Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam; (ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; (iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài

chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; (iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 02 năm liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; (vi) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (vii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (viii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

c) Có người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

d) Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 năm đầu hoạt động.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ *Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;*

+ *Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

+ *Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.*

Phụ lục số 01

Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp thành lập tổ chức tài chính vi mô

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là (tên tổ chức) ngày... tháng...năm... về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.....;

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);
- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax,

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

....., ngày.... tháng..... năm.....

Người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của các thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô

(Ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên).

Phụ lục số 02**Mẫu Sơ yếu lý lịch***(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024**Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

| |
|---|
| Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch |
|---|

SƠ YẾU LÝ LỊCH**1. Về bản thân**

- Họ và tên khai sinh.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay⁽¹⁾:

| STT | Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽²⁾ | Đơn vị công tác | Chức vụ | Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao | Ghi chú ⁽³⁾ |
|-----|---|-----------------|---------|---|------------------------|
| | | | | | |

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁴⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁵⁾**5. Cam kết trước pháp luật**

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại Tổ chức tài chính vi mô.....theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tôi cam kết tuân thủ về việc có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 trong quá trình công tác tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có).

- Thông báo cho Tổ chức tài chính vi mô..... về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của Tổ chức tài chính vi mô.....

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d và điểm g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 04**Mẫu Bảng kê khai người có liên quan***(Ban hành kèm theo Thông tư số / /TT-NHNN ngày / / của**Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

| STT | Người khai và “người có liên quan” của người khai | Số CMND/số định danh cá nhân/số Hộ chiếu ⁽¹⁾ | Mối quan hệ với người khai ⁽²⁾ | Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị |
|-----------|--|--|--|---|
| I | Người kê khai | | | |
| 1 | Nguyễn Văn A | | Người khai | |
| II | Người có liên quan | | | |
| 2 | Nguyễn Thị B | | Vợ | |

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽³⁾

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.